

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SON -
SÔNG HÌNH**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 34



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH

Số 21 đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Võ Thành Trung	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015)
	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015)
Ông Phan Hồng Quân	Ủy viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Ủy viên
Ông Trần Mạnh Hữu	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015)
Ông Võ Thành Trung	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015)
Ông Hoàng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Tấn Tường	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng Cổ đông.

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

2015
CÔNG
NHỆ
E.LO
ETI
2A.1

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH

Số 21 đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn

Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

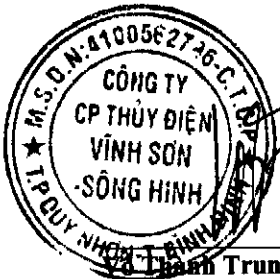
TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được Hội đồng Quản trị xem xét và thông qua.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,



[Signature]
Trần Trung
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

2500
CÔNG TY
THỦY
ĐIỆN
VĨNH SƠN
SÔNG HÌNH
P. HƯ

Số: 589 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2016 từ trang 5 đến trang 34 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

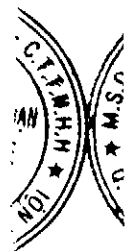
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 31 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó mô tả sự không chắc chắn liên quan đến kết quả của vụ kiện giữa Công ty và Tổ hợp nhà thầu Hydro China Huadong - CR 18G.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Quang Trung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Tùng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1941-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.018.221.246.556	976.010.484.271
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.153.237.223.520	229.958.976.756
1. Tiền	111		5.995.449.909	21.458.976.756
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.147.241.773.611	208.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	33.500.000.000	32.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		33.500.000.000	32.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		441.330.473.973	688.713.608.965
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	114.067.710.559	481.870.055.348
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	313.111.745.835	196.934.521.286
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	14.151.017.579	9.909.032.331
IV. Hàng tồn kho	140	10	368.861.496.192	25.299.097.640
1. Hàng tồn kho	141		368.861.496.192	25.299.097.640
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.292.052.871	38.800.910
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		49.888.142	38.800.910
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	21.242.164.729	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.031.163.745.016	2.663.537.538.626
I. Tài sản cố định	220		813.682.843.001	861.745.079.453
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	813.682.843.001	861.745.079.453
- Nguyên giá	222		3.017.226.339.004	2.986.330.074.701
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.203.543.496.003)	(2.124.584.995.248)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.182.041.364.552	1.775.454.622.167
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	2.182.041.364.552	1.775.454.622.167
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		12.916.138.402	12.495.763.576
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	13	12.916.138.402	12.495.763.576
IV. Tài sản dài hạn khác	260		22.523.399.061	13.842.073.430
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		9.261.457.914	168.414.771
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.614.401.679	2.614.401.679
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		10.647.539.468	11.059.256.980
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.049.384.991.572	3.639.548.022.897

310
 C
 ICH
 JE
 VII
 GE

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

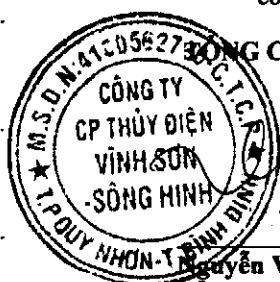
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2,258,034,480,817	676,939,581,186
I. Nợ ngắn hạn	310		483,489,068,623	539,875,426,043
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	197,593,825,631	194,347,290,471
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		80,000,000	1,305,647,133
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	15,450,655,041	40,060,390,411
4. Phải trả người lao động	314		4,179,028,919	5,481,180,990
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		352,995,566	962,146,640
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	2,437,514,630	32,332,664,858
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	250,800,909,611	258,430,623,575
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12,594,139,225	6,955,481,965
II. Nợ dài hạn	330		1,774,545,412,194	137,064,155,143
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	1,774,545,412,194	137,064,155,143
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,791,350,510,755	2,962,608,441,711
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	2,791,138,077,663	2,962,116,895,762
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2,062,412,460,000	2,062,412,460,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6,332,468,038	6,332,468,038
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	(8,541,577,222)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		294,414,000,000	48,380,000,000
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		27,661,280,000	-
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		400,317,869,625	853,533,544,946
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		154,727,156,946	501,087,719,091
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		245,590,712,679	352,445,825,855
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		212,433,092	491,545,949
1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		212,433,092	491,545,949
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5,049,384,991,572	3,639,548,022,897

01
 02
 03
 04
 05
 06
 07
 08
 09
 10
 11
 12
 13
 14
 15
 16
 17
 18
 19
 20
 21
 22
 23
 24
 25
 26
 27
 28
 29
 30
 31
 32
 33
 34
 35
 36
 37
 38
 39
 40
 41
 42
 43
 44
 45
 46
 47
 48
 49
 50
 51
 52
 53
 54
 55
 56
 57
 58
 59
 60
 61
 62
 63
 64
 65
 66
 67
 68
 69
 70
 71
 72
 73
 74
 75
 76
 77
 78
 79
 80
 81
 82
 83
 84
 85
 86
 87
 88
 89
 90
 91
 92
 93
 94
 95
 96
 97
 98
 99
 100



Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng

Phan Thị Thanh Thúy
Người lập

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015		2014	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	467.423.749.013		554.477.454.826	
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	20	467.423.749.013		554.477.454.826	
3. Giá vốn hàng bán	11	21	164.972.355.690		157.907.244.181	
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		302.451.393.323		396.570.210.645	
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	29.078.267.659		28.519.380.179	
6. Chi phí tài chính	22	24	21.121.842.777		5.539.656.996	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.784.863.001		3.295.090.497	
7. Lợi nhuận từ Công ty liên doanh, liên kết	24		1.389.614.977		1.139.349.387	
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	21.057.516.255		19.455.318.184	
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-26)	30		290.739.916.927		401.233.965.031	
10. Thu nhập khác	31		164.759.544		27.467.688	
11. Chi phí khác	32		7.869.645.496		23.117.000	
11. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(7.704.885.952)		4.350.688	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		283.035.030.975		401.238.315.719	
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	31.413.368.296		41.965.839.864	
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		251.621.662.679		359.272.475.855	
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.191		1.712	

12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40



Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng

Phan Thị Thanh Thúy
Người lập

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	283.035.030.975	401.238.315.719
2. Điều chỉnh cho các khoản:		73.270.798.897	50.615.687.858
- Khấu hao tài sản cố định	02	78.679.387.898	76.590.134.762
- Các khoản dự phòng	03	-	(1.268.055.072)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	15.305.190.483	1.657.247.237
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(29.498.642.485)	(29.658.729.566)
- Chi phí lãi vay	06	8.784.863.001	3.295.090.497
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	356.305.829.872	451.854.003.577
- Thay đổi các khoản phải thu	09	358.793.329.055	(288.240.690.822)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(343.150.681.040)	1.075.357.030
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(50.414.871.935)	(78.824.877.576)
- Thay đổi chi phí trả trước	12	(1.173.492.597)	1.476.546
- Tiền lãi vay đã trả	14	(8.889.004.355)	(3.429.906.355)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(40.962.824.581)	(35.078.841.224)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	37.389.091	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.578.746.733)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	260.966.926.777	47.356.521.176
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(560.791.844.000)	(351.005.854.744)
2. Tiền thu bảo lãnh tạm ứng và bảo lãnh thực hiện hợp đồng	22	-	428.260.928.498
3. Tiền chi cho vay đơn vị khác	23	(1.500.000.000)	(32.000.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.928.363.939	32.885.308.388
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(540.363.480.061)	78.140.382.142
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.389.304.912.295	964.927.846.728
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(774.147.620.247)	(1.389.392.096.795)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(412.482.492.000)	(45.005.951.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.202.674.800.048	(469.470.201.267)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	923.278.246.764	(343.973.297.949)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	229.958.976.756	573.932.274.705
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	1.153.237.223.520	229.958.976.756



[Signature]
Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

[Signature]
Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng

[Signature]
Phan Thị Thanh Thúy
Người lập

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNHSố 21 đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình ("Nhà máy"). Trước khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Nhà máy là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN").

Theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc EVN giai đoạn 2003 - 2005 và Quyết định số 2992/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hoá Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình, Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình có nhiệm vụ thực hiện cổ phần hoá trong năm 2004. Ngày 02 tháng 12 năm 2004, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình thành Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình.

Ngày 04 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên mới là Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 04 tháng 5 năm 2005 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, bổ sung.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 01/QĐ-TTGDHN. Ngày 28 tháng 6 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 133 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 134 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện năng; dịch vụ quản lý vận hành, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện; tư vấn quản lý dự án và giám sát thi công các dự án nhà máy thủy điện; tư vấn thiết kế công trình thủy lợi, giao thông và thủy điện; tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi và giao thông; thí nghiệm điện; kinh doanh vật tư, thiết bị trong lĩnh vực thủy điện; đầu tư xây dựng các dự án điện; kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 01 công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật VSH. Thông tin khái quát về công ty con của Công ty như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật VSH	TP. Quy Nhơn Tỉnh Bình Định	100%	100%	Tư vấn và dịch vụ kỹ thuật

Công ty có 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định. Thông tin khái quát về công ty liên kết của Công ty như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	TP. Quy Nhơn Tỉnh Bình Định	49,72%	49,72%	Du lịch, khách sạn

0-
TY
UH
TE
M
H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

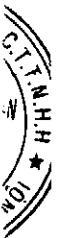
Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

M. C
TR
D. C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

100
CỔ
ĐẠI
VIỆ
100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là các vật tư, phụ tùng dự phòng để thay thế phục vụ cho các tổ máy phát điện tại hai Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hình và các vật liệu, thiết bị xây dựng cơ bản chuẩn bị lắp đặt cho Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum. Các vật tư, phụ tùng dự phòng cho các tổ máy của Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hình có tính đặc chủng dùng để thay thế cho các thiết bị mang tính chất đồng bộ của các tổ máy phát điện và đã tồn kho cùng với thời gian lắp đặt các tổ máy (từ năm 1995 với Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn và từ năm 2000 với Nhà máy Thủy điện Sông Hình).

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Tài sản	2015
	(Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	20 - 50
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chủ yếu công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng phát sinh được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Trong năm 2012, Cục thuế Bình Định đã thực hiện kiểm tra hồ sơ kê khai thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty cho giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2011. Tại thời điểm lập báo cáo này, Cục thuế Bình Định chưa ban hành Quyết định xử lý sau kiểm tra.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	434.873.932	679.227.711
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.560.575.977	20.779.749.045
Các khoản tương đương tiền (i)	1.147.241.773.611	208.500.000.000
	<u>1.153.237.223.520</u>	<u>229.958.976.756</u>

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 17, các hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền là 165 tỷ VND đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 86,5 tỷ VND). Các hợp đồng tiền gửi này được hưởng lãi suất 4% đến 4,5%/năm.

// OC / T HỮ M AI / P. //

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

Số 21 đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn

Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	33.500.000.000	33.500.000.000	32.000.000.000	32.000.000.000
(i) Hợp đồng tiền gửi này được hưởng lãi suất 6%/năm, thời hạn từ 05 tháng 5 năm 2015 đến 05 tháng 5 năm 2016.				

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	113.154.195.908	481.052.850.748
Các khoản phải thu khách hàng khác	913.514.651	817.204.600
	114.067.710.559	481.870.055.348

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Khoản trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chủ yếu bao gồm các khoản tạm ứng cho các nhà thầu để thực hiện các hạng mục thuộc Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum, chi tiết như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Andritz Hydro GmbH	31.721.537.268	133.980.764.861
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	79.670.867.369	4.998.633.144
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	20.053.101.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	90.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Đức Bảo Kon Tum	28.179.281.648	3.912.135.882
Các nhà cung cấp khác	63.486.958.550	53.042.987.399
	313.111.745.835	196.934.521.286

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Phải thu người lao động	397.326.815	960.963.251
Ký cược, ký quỹ	13.780.000	-
Lãi tiền gửi dự thu	8.064.570.386	914.666.666
Phải thu khác	5.675.340.378	8.033.402.414
	14.151.017.579	9.909.032.331

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNHSố 21 đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu (i)	367.641.838.464	-	21.189.853.764	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.219.657.728	-	4.109.243.876	-
	368.861.496.192	-	25.299.097.640	-

(i) Bao gồm 338.124.350.566 VND là giá trị vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản mua trong năm liên quan tới hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	2.055.609.772.893	892.523.860.417	29.038.610.673	9.157.830.718	2.986.330.074.701
Tăng do mua sắm	-	29.830.957.068	888.553.600	176.753.635	30.896.264.303
Tại ngày 31/12/2015	2.055.609.772.893	922.354.817.485	29.927.164.273	9.334.584.353	3.017.226.339.004
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	1.252.521.316.213	844.973.374.211	24.342.877.674	2.747.427.150	2.124.584.995.248
Khấu hao trong năm	68.263.386.059	8.746.133.468	1.332.169.612	616.811.616	78.958.500.755
Tại ngày 31/12/2015	1.320.784.702.272	853.719.507.679	25.675.047.286	3.364.238.766	2.203.543.496.003
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	734.825.070.621	68.635.309.806	4.252.116.987	5.970.345.587	813.682.843.001
Tại ngày 31/12/2014	803.088.456.680	47.550.486.206	4.695.732.999	6.410.403.568	861.745.079.453

Công ty đã thế chấp các tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 529.483.413.350 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 303.477.903.264 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay và các khoản bảo lãnh.

Nguyên giá của nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với tổng giá trị là 867.628.938.403 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 862.895.123.265 VND).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum (i)	2.086.049.513.599	1.674.922.224.770
Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2&3 (ii)	92.292.805.242	91.836.625.883
Khác	3.699.045.711	8.695.771.514
	2.182.041.364.552	1.775.454.622.167

Trong năm, tổng chi phí lãi vay vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền là 60.614.417.181 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỪ DANG (Tiếp theo)

- (i) Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum là công trình trên cùng hệ thống bậc thang thủy điện sông Sê San. Công trình có hồ chứa, tuyến đầu mối nằm trên sông nhánh Đăk Nghé lưu vực sông Sê San, thuộc 2 xã Đăk Kôi, huyện Kon Rẫy và xã Đăk Tăng, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum; nhà máy nằm trên sông Đăk Lò tại xã Đăk Tăng và Ngọc Tem, huyện Kon Plông thuộc lưu vực sông Trà Khúc, tỉnh Quảng Ngãi. Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum đã được phê duyệt cho phép đầu tư theo Công văn số 1774/TTg-CN ngày 01 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, trước đây do EVN làm chủ đầu tư và đã chuyển giao lại cho Công ty theo Văn bản số 32/EVN/HĐQT ngày 13 tháng 01 năm 2006 của EVN.
- (ii) Dự án thủy điện Vĩnh Sơn 2 và 3 được UBND tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận Đầu tư ngày 07 tháng 11 năm 2007.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết	9.812.957.192	9.812.957.192
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	3.103.181.210	2.682.806.384
	<u>12.916.138.402</u>	<u>12.495.763.576</u>

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	TP. Quy Nhơn Tỉnh Bình Định	49,72%	49,72%	Du lịch khách sạn, lữ hành

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tổng tài sản của công ty liên kết	29.177.896.359	27.209.746.893
Tổng công nợ của công ty liên kết	3.200.144.142	2.077.479.042
Giá trị tài sản thuần	<u>25.977.752.217</u>	<u>25.132.267.851</u>
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	<u>12.916.138.402</u>	<u>12.495.763.576</u>
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại công ty liên kết	19.500.000.000	19.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần của công ty liên kết	600.000.000	600.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu tại công ty liên kết	1.973.624.493	2.067.736.800
Lợi nhuận chưa phân phối của công ty liên kết	3.904.127.724	2.964.531.051
	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Doanh thu của công ty liên kết	18.123.102.882	15.810.435.799
Lợi nhuận thuần của công ty liên kết	3.567.090.673	2.624.988.692
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.389.614.977	1.139.349.387

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINHSố 21 đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tổ hợp nhà thầu Hydro China Huadong - CR 18G (i)	188.796.692.308	188.796.692.308
Các đối tượng khác	8.797.133.323	5.550.598.163
	197.593.825.631	194.347.290.471

- (i) Khoản phải trả tổ hợp nhà thầu Hydro China Huadong - CR 18G là số tạm tính liên quan đến dự án xây dựng thủy điện Thượng Kon Tum.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Phát sinh trong năm			31/12/2015
	01/01/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	14.439.381.503	2.203.102.709	37.884.648.941	(21.242.164.729)
Thuế nhập khẩu		529.394.012	529.394.012	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.278.720.035	31.413.368.296	40.962.824.581	7.729.263.750
Thuế tài nguyên	3.881.229.944	42.597.431.958	43.025.026.306	3.453.635.596
Các loại thuế khác	769.852.729	7.749.643.593	7.786.090.627	733.405.695
<i>Thuế môn bài</i>	-	4.000.000	4.000.000	-
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	769.852.729	5.126.015.160	5.162.462.194	733.405.695
<i>Thuế khác</i>	-	2.619.628.433	2.619.628.433	-
Các khoản phải nộp khác	3.691.206.200	13.653.779.632	13.810.635.832	3.534.350.000
<i>Phí dịch vụ môi trường rừng</i>	3.691.206.200	13.332.920.600	13.489.776.800	3.534.350.000
<i>Tiền thuê đất</i>	-	320.859.032	320.859.032	-
	40.060.390.411	97.617.326.188	143.469.226.287	(5.791.509.688)

Trong đó:

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	40.060.390.411	15.450.655.041
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	21.242.164.729

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải trả EVN tiền hỗ trợ vốn lưu động	-	31.836.822.702
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.437.514.630	495.842.156
	2.437.514.630	32.332.664.858

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	92.832.822.660	92.832.822.660	693.559.099.235	608.478.268.640	177.913.653.255	177.913.653.255
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	77.899.337.496	77.899.337.496	-	77.899.337.496	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn	39.829.473.241	39.829.473.241	-	39.829.473.241	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum	29.897.954.000	29.897.954.000	-	29.897.954.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 18)						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	17.971.036.178	17.971.036.178	7.407.591.048	18.042.586.870	7.336.040.356	7.336.040.356
Raiffeisenlandesbank Osterreich Aktiengesellschaft	-	-	65.551.216.000	-	65.551.216.000	65.551.216.000
Cộng	258.430.623.575	258.430.623.575	766.517.906.283	774.147.620.247	250.800.909.611	250.800.909.611

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, đáo hạn trong vòng 1 năm kể từ ngày giải ngân. Các khoản vay được rút bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ, được dùng để bổ sung vốn lưu động và tài trợ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản. Trong năm, các khoản vay chịu lãi suất khoảng 3, 5%/năm (đối với khoản vay bằng USD) và chịu lãi suất từ 5,3%/năm đến 10%/năm (đối với khoản vay bằng VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản vay ngắn hạn được tin chấp với số tiền vay là 12.913.653.255 VND. Các khoản vay còn lại được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi trị giá 165 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- (ii) Ngày 28 tháng 3 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng xuất khẩu với Raiffeisenlandesbank Oberosterreich Aktiengesellschaft (Cộng hòa Áo) với giá trị tối đa là 29.106.760,8 USD. Khoản vay này được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 30 tháng 6 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2025. Khoản vay chịu lãi suất LIBOR 6 tháng cộng 2,97% và được trả 6 tháng/lần. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán 80% nghĩa vụ thanh toán của Công ty theo Hợp đồng Cung cấp thiết bị cơ điện cho Dự án thủy điện Thượng Kon Tum ký ngày 15 tháng 8 năm 2012 với Andritz Hydro GmbH (Cộng hòa Áo). Khoản vay được bảo đảm bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư của khoản vay là 13.333.800 USD.
- (iii) Tại ngày 16 tháng 6 năm 2015, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định với hạn mức tín dụng là 850 tỷ VND trong thời hạn 144 tháng kể từ ngày rút khoản vốn vay đầu tiên. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 08 tháng 10 năm 2018 đến ngày 08 tháng 10 năm 2027. Khoản vay chịu lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng cộng 3,5%/năm. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum và nếu được Bên Cho Vay chấp thuận, bao gồm cả thanh toán hoàn lại tối đa 70% phần vốn tự có mà Bên Vay đã giải ngân thực hiện Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum. Công ty thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các động sản khác là tài sản hình thành trong tương lai của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum để đảm bảo cho khoản tiền vay. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư của khoản vay là 439.982.823.690 VND.
- (iv) Tại ngày 16 tháng 6 năm 2015, Công ty ký hợp đồng vay hợp vốn dài hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum với hạn mức tín dụng lần lượt là 300 tỷ VND và 400 tỷ VND trong thời hạn 144 tháng kể từ ngày rút khoản vốn vay đầu tiên. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 13 tháng 7 năm 2018 đến ngày 13 tháng 7 năm 2027. Khoản vay chịu lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng cộng 3,5%/năm. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum, thanh toán lãi vay trong thời gian xây dựng cơ bản và nếu được Bên Cho Vay chấp thuận, bao gồm cả thanh toán hoàn lại tối đa 70% phần vốn tự có mà Bên Vay đã giải ngân thực hiện Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum. Công ty thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các động sản khác là tài sản hình thành trong tương lai của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum để đảm bảo cho khoản tiền vay. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư của khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum tương ứng với số tiền là 196.627.583.474 VND và 332.713.299.612 VND.
- (v) Tại ngày 16 tháng 6 năm 2015, Công ty ký hợp đồng vay hợp vốn dài hạn với Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bình Định và Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hiệp Phú với hạn mức tín dụng lần lượt là 850 tỷ VND và 500 tỷ VND trong thời hạn 144 tháng kể từ ngày rút khoản vốn vay đầu tiên. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 22 tháng 9 năm 2018 đến ngày 22 tháng 9 năm 2027. Khoản vay chịu lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng cộng 3,5%/năm. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum và nếu được Bên Cho Vay chấp thuận, bao gồm cả thanh toán hoàn lại tối đa 70% phần vốn tự có mà Bên Vay đã giải ngân thực hiện Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum. Công ty thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các động sản khác là tài sản hình thành trong tương lai của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum để đảm bảo cho khoản tiền vay. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư của khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bình Định và Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hiệp Phú tương ứng với số tiền là 274.911.000.000 VND và 161.702.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNHSố 21 đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	72.887.256.356	17.971.036.178
Trong năm thứ hai	72.814.867.835	7.120.215.851
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	191.182.863.490	21.360.647.555
Sau năm năm	1.510.547.680.869	108.583.291.737
	1.847.432.668.550	155.035.191.321
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	72.887.256.356	17.971.036.178
Số phải trả sau 12 tháng	1.774.545.412.194	137.064.155.143

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	2,062,412,460,000	6,332,468,038	48,380,000,000	-	501,099,719,091
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	359,272,475,855
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6,826,650,000)
Chi khác	-	-	-	-	(12,000,000)
Số dư tại ngày 01/01/2015	2,062,412,460,000	6,332,468,038	48,380,000,000	-	853,533,544,946
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	251,621,662,679
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(10,471,202,000)
Công bố chia cổ tức trong năm (i)	-	-	-	-	(412,482,492,000)
Trích lập quỹ đầu tư và phát triển (ii)	-	-	246,034,000,000	-	(246,034,000,000)
Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (ii)	-	-	-	27,661,280,000	(27,661,280,000)
Tiền thù lao, tiền thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát (ii)	-	-	-	-	(5,532,364,000)
Khác	-	-	-	-	(2,656,000,000)
Số dư tại ngày 31/12/2015	2,062,412,460,000	6,332,468,038	294,414,000,000	27,661,280,000	400,317,869,625

(i) Theo nội dung Nghị quyết số 467/2015/NQ-VSH-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng năm 2014 và kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng năm 2015, phê duyệt mức chi trả 10% cổ tức năm 2013 và 10% cổ tức năm 2014 với số tiền 412.482.492.000 VND, trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015 và trích lập bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2010 tương ứng với số tiền là 6.030.950.000 VND và 3.953.252.000 VND.

(ii) Theo Nghị quyết số 467.1/2015/TNQ-VSH-HDQT ngày 11 tháng 5 năm 2015 trích Nghị quyết ĐHĐCĐ 467/2015/TNQ-VSH-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2015 về việc phê duyệt mức trích lập quỹ đầu tư và phát triển với số tiền 246.034.000.000 VND, trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu với số tiền 27.661.280.000 VND, thù lao, tiền thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty mẹ từ năm 2010 đến 2014 với số tiền 5.532.364.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

Số 21 đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn

Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Cơ cấu góp vốn**

	31/12/2015		31/12/2014	
	%	VND	%	VND
Tổng Công ty Phát điện 3	30,55	630.169.054.175	30,55	630.169.054.175
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	24,00	494.978.961.600	24,00	494.978.961.600
Cổ đông khác	45,45	937.264.444.225	45,45	937.264.444.225
	100,00	2.062.412.460.000	100,00	2.062.412.460.000

Cổ phiếu

	31/12/2015	31/12/2014
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	206.241.246	206.241.246
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	206.241.246	206.241.246
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015	2014
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán điện trong năm	465.759.782.196	453.348.905.614
- Điều chỉnh doanh thu bán điện giai đoạn 2010 - 2013	-	98.236.150.667
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.663.966.817	2.892.398.545
	467.423.749.013	554.477.454.826

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNHSố 21 đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2015	2014
	VND	VND
Giá vốn sản xuất điện	163.557.233.286	155.757.878.090
Giá vốn hoạt động khác	1.415.122.404	2.149.366.091
	164.972.355.690	157.907.244.181

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.489.574.539	2.907.104.822
Chi phí nhân công	27.656.311.719	27.599.656.179
Chi phí khấu hao tài sản cố định	78.249.477.260	76.203.985.682
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.771.372.569	5.618.819.985
Chi phí khác bằng tiền	69.973.549.710	66.853.364.089
	183.140.285.797	179.182.930.757

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	29.078.267.659	28.519.380.179
	29.078.267.659	28.519.380.179

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.784.863.001	3.295.090.497
Lỗ chênh lệch tỷ giá	12.336.979.776	2.244.566.499
	21.121.842.777	5.539.656.996

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí lương nhân viên	11.828.758.043	9.925.577.468
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	607.290.818	630.185.115
Chi phí khấu hao tài sản cố định	662.124.176	650.304.965
Chi phí thuế, phí, lệ phí	372.078.348	223.824.880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.289.281.035	2.181.782.122
Chi phí khác bằng tiền	2.315.897.063	2.364.022.062
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.982.086.772	3.479.621.572
	21.057.516.255	19.455.318.184

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	20.097.978.528	24.034.439.246
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay (i)	11.315.389.768	17.931.400.618
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>31.413.368.296</u>	<u>41.965.839.864</u>

- (i) Trong năm 2012, Cục thuế Bình Định đã thực hiện kiểm tra hồ sơ kê khai thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty cho giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2011. Trong năm 2015, Công ty đã tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo biên bản kiểm tra của Cục thuế Bình Định. Tại thời điểm lập báo cáo này, Cục thuế Bình Định chưa ban hành Quyết định xử lý sau kiểm tra.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành chi tiết như sau:

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	283.035.030.975	401.238.315.719
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế và các khoản điều chỉnh do hợp nhất</i>	(450.192.667)	(698.858.129)
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	23.032.937.533	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<u>306.518.161.175</u>	<u>401.937.173.848</u>
<i>Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi 5%</i>	278.390.556.806	378.749.963.744
<i>Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi 20%</i>	481.113.677	212.258.232
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường 22%</i>	27.646.490.692	22.974.951.872
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<u>20.097.978.528</u>	<u>24.034.439.246</u>

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 được trình bày lại theo các hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

Lợi nhuận

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (i)	245.590.712.679	353.015.265.855
Trừ: Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.030.950.000	6.257.210.000
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	206.241.246	206.241.246
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.191	1.712

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (Tiếp theo)**Số cổ phiếu

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	206.241.246	206.241.246

- (i) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 được trình bày lại theo Thông tư 200/TT-BTC cho phù hợp với số liệu năm nay.

28. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Ngày 17 tháng 9 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng số 786/2010/HĐ-VSH-LD với Tổ hợp nhà thầu Công ty Cổ phần Xây dựng 47, Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tiến Dung và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1 về việc thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây lắp tuyến áp lực Dự án thủy điện Thượng Kon Tum với giá trị là 505.583.654.488 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, phần khối lượng công việc đã thực hiện khoảng 406 tỷ VND.

Theo Hợp đồng số 817/2012/HĐ-VSH-AH ngày 15 tháng 8 năm 2012 và các phụ lục hợp đồng sửa đổi được ký giữa Công ty và Andritz Hydro GmbH (Cộng hòa Áo) về việc cung cấp thiết bị cơ điện và dịch vụ kỹ thuật cho Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với tổng giá trị là 40.457.809 USD. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, phần khối lượng công việc đã thực hiện khoảng 366,7 tỷ VND.

Ngày 28 tháng 3 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng xuất khẩu với Raiffeisenlandesbank Oberosterreich Aktiengesellschaft (Cộng hòa Áo) với giá trị tối đa là 29.106.760 USD. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán 80% nghĩa vụ thanh toán của Công ty theo Hợp đồng Cung cấp thiết bị cơ điện cho Dự án thủy điện Thượng Kon Tum ký ngày 15 tháng 8 năm 2012 với Andritz Hydro GmbH (Cộng hòa Áo). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư của khoản vay là 13.333.800 USD tương đương khoảng 300,27 tỷ VND.

Tiến độ thi công các hạng mục do Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G thực hiện chậm so với kế hoạch, do đó, Công ty đã chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Trong năm 2014, Công ty đã nhận được tiền bảo lãnh tạm ứng và bảo lãnh thực hiện hợp đồng từ Ngân hàng Trung Quốc - Chi nhánh Hồ Chí Minh với số tiền 428.260.928.498 VND. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã hoàn thành nghiệm thu khối lượng xây lắp mà nhà thầu thực hiện và thực hiện bàn giao hiện trường khu vực thi công Tuyến năng lượng. Công ty đã triển khai thực hiện 2 gói thầu: Thi công cửa nhận nước và phần còn lại của đoạn đầu đường hầm và Thi công phần khối lượng còn lại nhà máy, bao gồm các hạng mục: buồng điều áp, hầm áp lực, hầm thông gió chính, gian máy biến áp, nhà máy điện chính, hầm xả, hầm giao thông và trạm phân phối và đang hoàn tất các thủ tục liên quan khác để thi công đường hầm dẫn nước bằng TBM dự kiến vào cuối tháng 4 năm 2016. Hiện tại Công ty đang trong quá trình giải quyết tranh chấp trong vụ kiện với Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam. Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 31 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông 467/2015/NQ-VSH-DHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2015, Hội đồng quản trị Công ty đã ra Nghị quyết số 702/2015/QĐ-VSH-HĐQT ngày 05 tháng 6 năm 2015 xác định các nhà thầu sau đây được chỉ định thi công các gói thầu phần còn lại của Tuyến năng lượng, dự án Thủy điện Thượng Kon Tum:

- Thi công Cửa nhận nước và phần còn lại của đoạn đầu đường hầm, lý trình Km0÷Km5 thuộc Tuyến năng lượng, Dự án thủy điện Thượng Kon Tum là: Công ty Cổ phần Xây dựng 47.
- Thi công đường hầm dẫn nước bằng TBM (lý trình km5 ÷ Km15+449) và gia cố phần còn lại (lý trình km15+449 ÷ km17+185) thuộc Tuyến năng lượng, Dự án thủy điện Thượng Kon Tum là: Liên danh nhà thầu Công ty Robbins-USA và Công ty Cổ phần Xây dựng 47.
- Thi công phần khối lượng còn lại nhà máy, bao gồm các hạng mục: buồng điều áp, hầm áp lực, hầm thông gió chính, gian máy biến áp, nhà máy điện chính, hầm xả, hầm giao thông và trạm phân phối thuộc Tuyến năng lượng, Dự án thủy điện Thượng Kon Tum là: Công ty Cổ phần Sông Đà 10.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay	2.025.346.321.805	395.494.778.718
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.153.237.223.520	229.958.976.756
Nợ thuần	872.109.098.285	165.535.801.962
Vốn chủ sở hữu	2.791.138.077.663	2.962.116.895.762
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,31	0,06

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.153.237.223.520	229.958.976.756
Đầu tư tài chính	33.500.000.000	32.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	127.821.401.323	490.818.124.428
Tổng cộng	1.314.558.624.843	752.777.101.184
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	2.025.346.321.805	395.494.778.718
Phải trả người bán và phải trả khác	200.031.340.261	226.679.955.329
Chi phí phải trả	352.995.566	962.146.640
Tổng cộng	2.225.730.657.632	623.136.880.687

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

100
CỔ
ĐIỂN
VIỆ
/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	441.495.961.774	155.035.191.321	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Tỷ lệ áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ (USD) so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng 13,24 tỷ VND (năm 2014: 4,65 tỷ VND).

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì chi phí lãi vay trong năm của Công ty (bao gồm chi phí lãi vay ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh và lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang) sẽ tăng/giảm 19,04 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Khoản phải thu khách hàng của Công ty đến từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (một bên liên quan) với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 113.154.195.908 VND. Ban Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.153.237.223.520	-	1.153.237.223.520
Đầu tư tài chính	33.500.000.000	-	33.500.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	127.821.401.323	-	127.821.401.323
Tổng cộng	1.314.558.624.843	-	1.314.558.624.843
Các khoản vay	250.800.909.611	1.774.545.412.194	2.025.346.321.805
Phải trả người bán và phải trả khác	200.031.340.261	-	200.031.340.261
Chi phí phải trả	352.995.566	-	352.995.566
Tổng cộng	451.185.245.438	1.774.545.412.194	2.225.730.657.632
Chênh lệch thanh khoản thuần	863.373.379.405	(1.774.545.412.194)	(911.172.032.789)

25/1/2016 G.M.N

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SON - SÔNG HÌNHSố 21 đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	229.958.976.756	-	229.958.976.756
Đầu tư tài chính	32.000.000.000	-	32.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	490.818.124.428	-	490.818.124.428
Tổng cộng	752.777.101.184	-	752.777.101.184
Các khoản vay	258.430.623.575	137.064.155.143	395.494.778.718
Phải trả người bán và phải trả khác	226.679.955.329	-	226.679.955.329
Chi phí phải trả	962.146.640	-	962.146.640
Tổng cộng	486.072.725.544	137.064.155.143	623.136.880.687
Chênh lệch thanh khoản thuần	266.704.375.640	(137.064.155.143)	129.640.220.497

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, mặc dù số dư tài sản tài chính thấp hơn đáng kể so với công nợ tài chính; tuy nhiên, Ban Giám đốc đã có kế hoạch tài chính trong tương lai và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:***Danh sách các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Phát điện 3	Cổ đông lớn
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ của Tổng Công ty Phát điện 3
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	Công ty liên kết

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Doanh thu		
Bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	465,759,782,193	551,585,056,281
Cổ tức		
Số cổ tức trả trong năm (bằng tiền hoặc bù trừ công nợ):		
Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	126,033,896,000	25,206,779,200
Cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	98,995,860,000	19,799,172,000
Cổ tức nhận từ Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	969,240,151	1,551,183,529

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Số dư chủ yếu với các bên liên quan:*

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu thương mại Tập đoàn Điện lực Việt Nam	113.154.195.908	481.052.850.748

Thu nhập của Ban Giám đốc*Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:*

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản thu nhập khác	2.706.409.649	1.958.162.957

31. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Ngày 04 tháng 9 năm 2014, Công ty đã nhận được Thông báo số 526/VIAC của Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam ("VIAC") về vụ kiện số 24/14 liên quan tới Hợp đồng số 885/2010/HD-VSH-TH Thiết kế và thi công Tuyển năng lượng giai đoạn 2 dự án Thượng Kon Tum trong đó nguyên đơn là Tổ hợp nhà thầu Hydro China Huadong - CR18G (Trung Quốc), bị đơn là Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình. Giai đoạn xét xử dự kiến vào cuối năm 2016. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không trích lập dự phòng cho khoản công nợ tiềm tàng của vụ kiện này trên báo cáo tài chính hợp nhất do kết quả của vụ kiện chưa được xác định.

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 3.143.617.760 VND là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán và bao gồm 126.452.455.071 VND là số tiền dùng để tạm ứng cho nhà thầu mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm trước và được nghiệm thu trong năm. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu và phải trả.

// 09/11/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

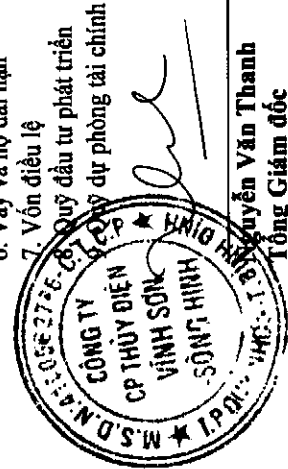
MÀU SỐ B 09-DN/HN

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

Tên chỉ tiêu	Theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC		Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC		Thay đổi
	Mã số	31/12/2014	Mã số	31/12/2014	
I. Tài sản					
1. Đầu tư ngắn hạn	121	32.000.000.000	123	32.000.000.000	Đổi tên
2. Phải thu khách hàng	131	481.870.055.348	131	481.870.055.348	Đổi tên
3. Trả trước cho người bán	132	196.934.521.286	132	196.934.521.286	Đổi tên
4. Các khoản phải thu khác	135	8.948.069.080	136	9.909.032.331	Phân loại lại và đổi tên
5. Hàng tồn kho	141	43.055.989.058	141	25.299.097.640	Phân loại lại
6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(6.697.634.438)	149	-	Phân loại lại
7. Tài sản ngắn hạn khác	158	960.963.251	155	-	Phân loại lại
Không có chỉ tiêu tương ứng	-	8. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	11.059.256.980	Phân loại lại và đổi tên
II. Nguồn vốn					
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	258.430.623.575	320	258.430.623.575	Đổi tên
2. Phải trả người bán	312	194.347.290.471	311	194.347.290.471	Đổi tên
3. Người mua trả tiền trước	313	1.305.647.133	312	1.305.647.133	Đổi tên
4. Chi phí phải trả	316	962.146.640	315	962.146.640	Đổi tên
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	32.332.664.858	319	32.332.664.858	Đổi tên
6. Vay và nợ dài hạn	334	137.064.155.143	338	137.064.155.143	Đổi tên
7. Vốn điều lệ	411	2.062.412.460.000	411	2.062.412.460.000	Đổi tên
8. Quỹ đầu tư phát triển	417	21.500.000.000	418	48.380.000.000	Phân loại lại
Không có chỉ tiêu tương ứng	418	26.880.000.000			Phân loại lại và đổi tên



Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Huỳnh Công Hy
Kế toán trưởng

Phan Thị Thanh Thủy
Người lập

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

